

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2019.
V/v: “Ly hôn giữa anh C và chị N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lưu Xuân Tiến.

Bà: Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/06/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C Sinh năm: 1983(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Phạm Thị N Sinh năm: 1984(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 04/4/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị N kết hôn vào ngày 21/01/2005, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống

ly thân. Mặc dù anh chị đã cố gắng nhiều nhưng không hàn gắn được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 25/11/2005; Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2008 và cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 19/04/2016; Hiện các con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn anh đề nghị nhường quyền nuôi con chung cho chị N và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng.

Về tài sản; công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2019, bị đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn ngày 21/01/2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2017, anh C đi làm ăn xa và có quan hệ bất chính với người con gái khác và đến đầu năm 2017 về ruồng rẫy vợ con. Vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có tác động để hai bên hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ cho con có cha. Nay anh C xin ly hôn quan điểm của chị không đồng ý vì vẫn yêu chồng, mong muốn các con có cha. Nếu anh C kiên quyết chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 25/11/2005; Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2008 và cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 19/04/2016; Hiện các con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu với mức là 1.000.000 đ.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị N vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 31/05/2019 với Hội liên hiệp phụ nữ và Ủy ban nhân dân xã B về nguyên nhân phát sinh tranh chấp như sau: Đối với mâu thuẫn của anh C và chị N địa phương không nắm được do không có đơn thư từ cơ sở. Ngoài ra, việc chị N cho rằng anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, địa phương không nắm được. Vì các đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án không hòa giải tại cơ sở nên không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Về quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết trên cơ sở bảo vệ quyền lợi phụ nữ và trẻ em.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị N. Về con chung: Giao cả con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi cháu với mức là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị N kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn; chị N đồng ý. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh C và chị N nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C đối với chị Phạm Thị N.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 03 con chung là Nguyễn Thị G sinh ngày 25/11/2005; Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2008 và cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 19/04/2016; Hiện các con chung đang ở cùng chị N. Sau khi xem xét ý kiến các đương sự cũng như ý kiến của con chung, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu với mức là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C, chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo chấp hành bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị N.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi cả ba con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 25/11/2005; Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2008 và cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 19/04/2016. Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi cháu với mức là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 07/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Anh C có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002217 ngày 03/4/2019. Anh C còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C, chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Diên Xá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

